TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B Đ** TỈNH BÌNH PHƯỚC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chia khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Thị Chức
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Như và bà Điều Thị Hương
- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Hơn - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Lâm Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và ngày 31 tháng 7 năm 2023, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc *"Ly hôn tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm: 1967;
Địa chỉ: Ấp 5, xã H Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước – có mặt
- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Ph, sinh năm : 1992;
Địa chỉ: 473C1, khu phố 3, phương Ph Kh, thành phố B Tr, tỉnh Bến Tre – có mặt.
- Bị đơn: Ông Mai Trung Th, sinh năm: 1964 – có mặt
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Ông Mai Quang Tr, sinh năm: 1990 – có mặt
+ Chị Mai Thị Bích L, sinh năm: 1992 – có mặt tại phiên tòa, vắng mặt tuyên án
+ Mai Thị Thu Th1, sinh năm: 1989 – có mặt tại phiên tòa (vắng mặt tuyên án)
Địa chỉ: Ấp 5, xã H Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn đề ngày 14 tháng 7 năm 2021 và đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 21/3/2023, biên bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Thị H và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị H và ông Mai Trung Th tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H Ph, huyện B Đ, tỉnh

Bình Phước vào ngày 22/3/2013. Vợ chồng bà H, ông Th sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc, hiện tại bà H không còn tình cảm với ông Th nữa và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Vì vậy bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mai Trung Th.

Về con chung: Bà Đinh Thị H trình bày vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung:

Quá trình chung sống bà Đinh Thị H và ông Mai Trung Th cùng tạo lập khối tài sản chung theo các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ các ngày 15/3/2021 và ngày 08/4/2022 gồm có:

-350 cây cao su trồng năm 2007 (đã cưa cây chỉ còn lại gốc), 600 nọc tiêu trồng năm 2013 trồng trên thửa đất số 14, tờ bản đồ số 25 diện tích: 13593,2m^2 được UBND huyện B Đ, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/10/2015 đứng tên bà hộ ông Mai Trung Th, ngày 18 tháng 3/2020 ông Th tặng cho (con ruột ông Th) ông Mai Quang Tr; 12 con dê thịt và 08 con dê con; 01 bộ sa lon 08 món dài 1,5m, dày 02cm, ngang 70cm; 01 bộ ngựa gỗ gõ mật ngang 1,8m, dài 2,7m, dày 13cm; 01 tủ nằm (buyt phê) dài 02m, rộng 80 cm, cao 1,2m; 01 tủ đứng hai buồng 01 mặt bàn gỗ sao ngang 80cm, dài 2.5cm, dầy 10cm; 01 mặt bàn gỗ me ngang 9,5cm, dài 2,45m, dày 10cm; 01 mặt bàn gỗ gõ mật ngang 0,85cm, dài 2,1m dày 20cm; 18 ghế tựa gỗ gõ mật; 04 tấm gỗ hương 0,031753m^3; 33 tấm gỗ mật 0,578983m^3

Theo biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 18/5/2023 xác định:

-600 nọc tiêu trồng năm 2013 x 518.000 đồng = 310.800.000 đồng

- 01 bộ salon 7 món, cột 12 = 30.000.000 đồng
- 01 bộ ngựa trị giá = 40.000.000 đồng
- 01 tủ gỗ lim (buyt phê) giá : 11.000.000 đồng
- 01 tủ đứng áo quần giá 3.000.000 đồng
- 01 bàn gỗ sao giá 7.000.000 đồng
- 01 bàn gỗ me hai tấm ghép một giá : 4.500.000 đồng
- 01 bàn gỗ gỗ mật giá: 6.500.000 đồng
- 18 ghế tựa gỗ gõ mật giá: 9.000.000 đồng
- 04 tấm gỗ hương 0,031753m^3 giá 1.500.000 đồng
- 33 tấm gỗ gõ mật 0,578983 m^3 giá 2.700.000 đồng
- 20 con dê giá 20.000.000 đồng

Tổng giá trị tài sản định giá là: 446.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi sáu triệu);

-Về 350 cây cao su trồng trên đất đã cặt hết cây chỉ còn lại gốc các bên đương sự thống nhất không yêu cầu định giá.

Nay bà Đinh Thị H cầu tòa án giải quyết được chia giá ½ giá trị tài sản bằng tiền cho bà 446.000.000 đồng chia 2 = 223.000.000 đồng.

Về nợ chung: Bà Đinh Thị H trình bày: Vợ chồng không có nợ chung và cũng không có ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H có đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/3/2023 bà H cho rằng vào năm 2007 bà có bán tài sản riêng của mình tại ấp Tân Hưng, xã Phước Thiện là 05 sào đất được số tiền 150.000.000 đồng; Vào ngày 01/8/2007, bà có đưa cho

ông Th mượn để làm ăn khi đưa tiền cho ông Th hai bên không làm giấy tờ gì chỉ có các con ông Th là anh Mai Quang Tr, chị Mai Thị Bích L và con bà là Nguyễn Văn Ch chứng kiến; Ngày 19.5.2023 Bà H đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi tài sản số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu) đối với ông Mai Trung Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Ngoài ra, Đại diện theo ủy quyền của bà bà Đinh Thị H không có yêu cầu gì khác.

Bà Đinh Thị H cũng không có ý kiến hay yêu cầu bổ sung

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Mai Trung Th trình bày:

Ông Th thừa nhận lời trình bày của bà H là đúng về điều kiện kết hôn; Nguyên nhân chính đẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do khó khăn về kinh tế và bà H đã bỏ nhà đi từ năm 2020 và vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay bà H có yên cầu ly hôn ông Th đồng ý.

Về con chung: Ông Th thừa nhận là vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: tại bản tự khai ngày 11/7/2023 anh Mai Quang Tr trình bày: Về số dê 12 con bà H trình bày là do bà H và ông Th tạo lập là do tiền của anh Tr gửi về cho ông Th 100.000.000 đồng để mua; Về tài sản liên quan đến đồ nội thất trong đơn bà H ghi là tài sản hiện hữu có từ trước đến nay do gia đình anh làm nghề buôn bán trao đổi nội thất gỗ. Toàn bộ số đồ gỗ gia đình có từ trước đo dùng mục đích sử dụng trong gia đình; Cao su gia đình anh trồng từ năm 2005- 2008, không có sự đóng góp của bà H; Số 600 nọc tiêu anh Tr không rõ nên không có ý kiến gì; Trong suốt thời kỳ hôn nhân ông Th, bà H không tạo lập được tài sản gì do là những người lao đông tự do, không có công việc ổn định. Anh Tr phải trả cho ông Th, bà H các khoản nợ ngân hàng là: 100 triệu mua dê giống và 777.000.000 đồng do nợ xấu của bà H ông Th vay không trả được. Các khoản nợ này anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các điều bà H nêu trong đơn có nhiều điều không chính xác; chị Mai Thị Bích L, chị Mai Thị Thu Th1 thống nhất ý kiến của ông Mai Trung Th đồng thời không có ý kiến hay yêu cầu gì phần quyền lợi của mình

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thống nhất được ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Bà Đinh Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với ông Th, yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu kiện đòi tài sản 100.000.000 đồng đối với ông Mai Trung Th

Về tài sản chung: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Ph cầu tòa án giải quyết được chia giá trị tài sản bằng tiền cho bà Đinh Thị H ½ giá trị tài sản chung được đã được Hội đồng định giá tài sản Tòa án nhân dân huyện B Đ định giá ngày 06/6/2023 là 446.000.000 đồng (bốn trăm bôn mươi sau triệu) = 223.000.000 đồng.

Về nợ chung: Bà Đinh Thị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung,không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Mai Quang Tr, chị Mai Thị Bích L, chị Mai Thị Thu Th1 vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng. Vì vậy, anh Tr, chị L, chị Th2 không thể hiện được ý kiến của mình.

Tại phiên tòa anh Tr, chị Th2,chị L thống nhất ý kiến của ông Mai Trung Th không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc bà H yêu cầu chia ½ giá trị tài sản chung bằng tiền theo biên bản định giá tài sản ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân huyện B Đ có tổng trị giá là 446.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi sáu triệu) vì bà H không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản này. Bản thân ông Th, bà H làm nghề nghiệp lao động tự do, buôn bán nội thất thường xuyên thua lỗ, anh Tr phải bỏ ra số tiền 100.000.000 đồng gửi vào tài khoản ông ông Th để làm vốn cho ông Th, bà H chăm nuôi dê, sau đó bà H và ông Th mâu thuẫn bà H bỏ nhà đi, ông Th bệnh nặng không có người chăm sóc nên số dê bà H kê khai đã chết hết.

Ngoài ra ông Th, bà H làm ăn thua lỗ không có tiền trả nợ Ngân hàng, anh Tr phải bỏ ra số tiền 777.000.000 đồng (bảy trăm bảy mươi triệu) để trả nợ cho ngân hàng. Tại phiên tòa anh Tr không có yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Th, bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 59,61 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H về việc "*Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn"* đối với bị đơn ông Mai Trung Th.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà H yêu cầu ông Th phải trả cho bà H 100.000.000 đồng; Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ngày 21/3/2023 bà H đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn Bà Đinh Thị H thuộc trường hợp *"Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hô" và " Tranh chấp kiện đòi tài sản "* được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông ông Mai Trung Th có địa chỉ tại Ấp 5, xã H Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

[2].Về nội dung vụ án:

-*Về hôn nhân:* Bà Đinh Thị H và ông Mai Trung Th tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND Hưng Phước, huyện B Đ vào năm 2013. Xét đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn bà H, ông Th chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã trong cuộc sống hằng ngày, hiện tại bà H và ông Th không còn tình cảm với nhau nữa đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th, ông Mai Trung Th đồng ý.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của Tòa án nhân dân huyện B Đ tại địa phương nơi bà H và ông Th đang sinh sống được biết: Ban điều Ấp 5, xã H Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước cho biết vào khoảng thời gian năm 2011 bà H về chung sống với ông Th sau này ông Th, bà H có đi đăng ký kết hôn vào thời gian nào ban điều hành ấp không rõ. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng có khó khăn về kinh tế.

Xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa bà Đinh Thị H và ông Mai Trung Th đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H ông Th đều có yêu cầu được thuận tình ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử cần công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đinh Thị H và ông Mai Trung Th là hoàn toàn phù hợp với các qui định của pháp luật.

-*Về con chung:* Trong quá trình chung sống,bà Đinh Thị H, ông Mai Trung Th thống nhất là vợ chồng không có con chung. HĐXX không xét.

-*Về tài sản chung:* Bà Đinh Thị H khởi kiện yêu cầu: chia đôi phần tài sản chung giữa bà và ông Th đã được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại đã được Tòa án tiến hành xem xét thẩm định các ngày 15/3/2021 và ngày 08/4/2022 gồm:

-600 nọc tiêu trồng năm 2013 x 518.000 đồng = 310.800.000 đồng

- 01 bộ salon 7 món, cột 12 = 30.000.000 đồng
- 01 bộ ngựa trị giá = 40.000.000 đồng
- 01 tủ gỗ lim (buyt phê) giá : 11.000.000 đồng
- 01 tủ đứng áo quần giá 3.000.000 đồng
- 01 bàn gỗ sao giá 7.000.000 đồng
- 01 bàn gỗ me hai tấm ghép một giá : 4.500.000 đồng
- 01 bàn gỗ gỗ mật giá: 6.500.000 đồng
- 18 ghế tựa gỗ gõ mật giá: 9.000.000 đồng
- 04 tấm gỗ hương 0,031753m^3 giá 1.500.000 đồng
- 33 tấm gỗ gõ mật 0,578983 m^3 giá 2.700.000 đồng
- 20 con dê giá 20.000.000 đồng

Theo biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 18/5/2023 xác định:Tổng giá trị tài sản định giá là: 446.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi sáu triệu đồng);

-Về 350 cây cao su trồng trên đất đã cặt hết cây chỉ còn lại gốc các bên đương sự thống nhất không yêu cầu định giá.

Xét thấy: Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án: Bà Đinh Thị H khẳng định trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông Mai Trung Th chung sống đã tạo lập được khối tài sản chung gồm các tài sản đã được Tòa án huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xem xét thẩm định tại chỗ và đinh giá tài sản như đã nêu ở trên có tổng trị giá là: 446.000.000 đồng

Nay bà Đinh Thị H cầu tòa án giải quyết được chia ½ giá trị tài sản bằng tiền việt nam đồng trên tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 446.000.000 đồng = 223.000.000 đồng. Tại biên bản xác minh của chính quyền địa phương Ấp 5, xã H Ph ngày 05/11/2021 được biết trong thời gian bà H về sống chung với ông Th từ năm 2011 bà H có tham gia lao động như: chăm sóc cây cao su, trồng tiêu chăn nuôi dê, mua bán đồ nội thất là gỗ cùng với ông Th và ông Thanh cũng thừa nhận số nọc tiêu được trồng vào năm 2015 sau khi bà H về chung sống vối ông Th. Từ những căn cứ nêu trên HĐXX có đủ cơ sở khẳng định số tài sản nêu trên là tài sản chung của ông Th, bà H được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại. Vì vậy yêu cầu của bà H yêu cầu được chia ½ số tài sản chung giữa bà và ông Th là 223.000.000 đồng bà yêu cầu được chia bằng tiền Việt Nam đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu ông Th chia cho bà H 150.000.000 đồng tiền công sức đóng góp vào khối tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu kiện đòi tài sản của bà H đối với ông Mai Trung Th. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà H rút yêu cầu khởi kiện. Vì vậy HĐXX không xét.

Xét lời trình bày của ông Mai Trung Th cho rằng cao su ông đã trồng trước khi kết hôn với bà H; Ông Th thừa nhận bà H có tham gia trồng tiêu vào năm 2015; Tuy nhiên khi vợ chồng mâu thuẫn thì bà H bỏ nhà đi còn ông thì bị bệnh nặng không có người chăm sóc nên đã chết hết nên ông phải phá bỏ để trồng lại các loại cây công nghiệp khác; số 20 con dê là do con ông Th là (Mai Quang Tr) gửi tiền về nuôi nhưng không có người chăm sóc nên cũng chết dần; Số bàn ghế, tủ ly văng, gỗ ….vv ông Th cho rằng số tài sản này là do ông buôn bán gỗ lậu bên campuchia vào năm 1998 ông có bị bắt và bị khởi tố về hình sự và phải thi hành án phạt tù nên mới có được chứ không phải khi bà H về vợ chồng mới mua sắm nên ông không đồng ý chia là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Theo biên bản xác minh ngày 05/11/2023 của ban điều hành Ấp 5, xã H Ph, huyện B Đ thì bà H và ông Th về sống chung với nhau từ năm 2011, thời gian này bà H có tham gia lao động trồng trọt cây công nghiệp như hồ tiêu; cao su và có chăn nuôi dê trên đất của ông Th; Ngoài công việc trồng trọt, chăm sóc cao su, hồ tiêu và chăm nuôi dê thì bà H và ông Th có kinh doanh buôn bán nội thất như bàn ghế, tủ, ly văng bằng gỗ vv. Tại biên bản lấy lời khai của ông Mai Trung Th đề ngày 27/10/2021 ông Th đồng ý ly hôn bà H và đồng ý hỗ trợ bà H 07 con dê mẹ và 01 con dê khoảng 20 kg. Ngoài những chứng cứ nêu trên ông Th không có giấy tờ nào chứng minh các tài sản nêu trên ông có trước khi về bà H về chung sống với ông. Từ những căn cứ nêu trên HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định toàn bộ số tài sản trên là tài sản chung của ông Mai Trung Th và bà Đinh Thị H là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 33 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 33 luật hôn nhân và gia dình qui định *"Tài sản chung của vợ chồng do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa*

*lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân…."*Vì vậy yêu cầu của ông Th không đồng ý chia tài sản chung của vợ chồng cho bà H không được Tòa án chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Quang Tr trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Tr cho rằng toàn bộ các tài sản bà Đinh Thị H trình bày ở trên là tài sản của gia đình anh có từ trước; Về số 350 cây cao su gia đình anh trồng trước khi bà H về chung sống với ông Th; số 600 nọc tiêu bà H có tham gia trồng năm 2015; Tuy nhiên khi bà H và ông Th mâu thuẫn, bà H bỏ nhà đi ông Th bệnh nặng không có người chăm sóc nên chết hết nên gia đình phải trồng lại các loại cây khác; về số dê nuôi là do anh gửi tiền cho ông Th nuôi nhưng nay không có người chăm sóc nên cũng không còn; Ngoài ra trong việc ông Th kinh doanh buôn bán hàng nội thất thua lỗ không có tiền trả ngân hàng anh đã phải bỏ ra số tiền 777.000.000 đồng để trả nợ cho vợ chồng ông Th, bà H nên anh Tr không đồng ý chia đôi tài sản này cho bà H. HĐXX xét thấy: Toàn bộ các tài sản nêu trên bà H yêu cầu chia là có căn cứ bởi lẽ: Anh Tr có thừa nhận bà H cũng có công sức đóng góp vào số tài sản này như có trồng tiêu, chăm sóc cao su, chăn nuôi dê và buôn bán hàng nội thất và khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì chỉ có số 350 cây cao su là đã chặt bỏ; Các tài sản còn lại vẫn còn hiện hữu trên đất của ông Th. Nên yêu cầu của anh Tr không đồng ý theo đơn khởi kiện chia tài sản chung giữa ông Th và bà H là không có cơ sở chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Mai Thị Thu Th1, Mai Thị Bích L thống nhất ý kiến của ông Th và ý kiến của anh Tr đồng thời không có yêu cầu gì về phần quyền lợi của mình. HĐXX không xét.

Về số tiền 100.000.000 đồng mua dê và 777.000.000 đồng anh Tr bỏ ra để trả nợ cho ông Th, bà H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Tr không có yêu cầu. HĐXX không xét. Khi nào anh Tr có đơn yêu cầu Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng 1 vụ án dân sự khác.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: áp dụng điểm b khoản 5, điểm b khoản 6 Điều Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí HNGĐ-ST và 11.150.000 đồng (Mười một triệu một trăm năm mươi nghìn) án phí dân sự sơ thẩm được do bà H có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế và có đơn xin giảm tiền án phí nên bà H giảm 50% số tiền. Bà H phải chịu là: 5.575.000 đồng khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.775.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017504 ngày 05/10/2021 và số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0017720 ngày 22.3.2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện B Đ. Bà Đinh Thị H phải tiếp tục nộp thêm số 600.000 đồng (sáu trăm nghìn).

Ông Mai Trung Th phải chịu 223.000.000 đ x 5% = 11.150.000 đồng (mười một triệu một trăm năm mươi nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Đinh Thị H phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu) tiền chi phi xem xét thẩm

định tại chỗ và định giá tài sản khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng bà H đã nộp. Ông Mai Trung Th có nghĩa vụ trả 4.000.000 đồng (bốn triệu) tiền chi phi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cho bà Đinh Thị H.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 158, khoản 2 Điều 244; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 219 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 33, 43, 47, 51,55, 61 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 13, điểm b khoản 5, điểm Điều Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn"* của nguyên đơn bà Đinh Thị H đối với bị đơn ông Mai Trung Th.

1. *Về hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đinh Thị H và ông Mai Trung Th.

2. Về tài sản chung: Tuyên giao cho ông Mai Trung Th được quyền sở hữu, sử dụng, quản lý toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng ông Th, bà H gồm có:

-600 nọc tiêu trồng năm 2013 x 518.000 đồng = 310.800.000 đồng

- 01 bộ salon 7 món, cột 12 = 30.000.000 đồng
- 01 bộ ngựa trị giá = 40.000.000 đồng
- 01 tủ gỗ lim (buyt phê) giá : 11.000.000 đồng
- 01 tủ đứng áo quần giá 3.000.000 đồng
- 01 bàn gỗ sao giá 7.000.000 đồng
- 01 bàn gỗ me hai tấm ghép một giá : 4.500.000 đồng
- 01 bàn gỗ gỗ mật giá: 6.500.000 đồng
- 18 ghế tựa gỗ gõ mật giá: 9.000.000 đồng
- 04 tấm gỗ hương 0,031753m^3 giá 1.500.000 đồng
- 33 tấm gỗ gõ mật 0,578983 m^3 giá 2.700.000 đồng
- 20 con dê giá 20.000.000 đồng. Tổng cộng: 446.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi sáu triệu)

Buộc ông Mai Trung Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đinh Thị H ½ giá trị tài phần sản chung bà H được chia trị giá: 223.000.000 đ (hai trăm hai mươi ba triệu) bằng tiền Việt Nam đồng.

Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H đối với yêu cầu khởi kiện " Yêu cầu chia công sức đóng góp trong khối tài sản chung" đối với ông Mai Trung Th.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc " Kiện đòi tài sản" giữa bà Đinh Thị H và ông Mai Trung Th.

4. Về án phí DSST sơ thẩm: Bà Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) tiền án phí HNGĐ-ST và 5.575.000 đồng án phí DS-ST được khấu trừ số tiền

tạm ứng án phí đã nộp là: 2.775.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017504 ngày 05/10/2021 và số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0017720 ngày 22.3.2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện B Đ. Bà Đinh Thị H phải tiếp tục nộp thêm số 600.000 đồng (sáu trăm nghìn).

Ông Mai Trung Th phải chịu 11.150.000 đồng (mười một triệu một trăm năm mươi nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Bà Đinh Thị H phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu) tiền chi phi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản khấu trừ vào số tiền tám ứng chi phí tố tụng bà H đã nộp. Ông Mai Trung Th có nghĩa vụ trả lại 4.000.000 đồng (bốn triệu) tiền chi phi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cho bà Đinh Thị H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- Chi cục THA DS huyện B Đ;
- Đương sự;
- UBND xã Thiện Hưng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Chức